

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số : 544/STC-QLNS

V/v báo cáo tình vay nợ năm  
2022 các dự án ODA theo  
Thông tư số 80/2018/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

Căn cứ khoản 1, Điều 3 của Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, theo đó Sở Tài chính các tỉnh, thành phố định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài chính tình hình vay lại của địa phương theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư nêu trên.

Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018, Bộ Tài chính quy định số liệu về trị giá vay lại, số dư nợ được lập theo nguyên tệ vay, và quy đổi sang USD và VNĐ theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Căn cứ quy định nêu trên, giá trị vay lại tại báo cáo được áp dụng theo tỷ giá hạch toán NSNN do Bộ Tài chính công bố tại Thông báo số 494/TB-KBNN ngày 31/01/2023, theo đó tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 02/2023 là 1 USD = 23.605 đồng.

Trên cơ sở các thỏa thuận vay lại và số liệu nhận nợ với Bộ Tài chính của các dự án vay lại tính đến ngày 31/12/2022, Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa báo cáo Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) tình hình vay nợ năm 2022 các dự án ODA theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC lại của Bộ Tài chính như sau:

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Dư nợ đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả nợ		Dư nợ cuối kỳ
				Gốc	Lãi, phí	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>298.561</b>	<b>98.130</b>	<b>24.230</b>	<b>4.733</b>	<b>372.461</b>
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	5.449	0	838	0	4.611
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	57.287	6.803	5.871	1.166	58.218
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	3.888	0	1.501	135	2.387
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	4.276	0	0	95	4.276

STT	Tên dự án	Dư nợ đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả nợ		Dư nợ cuối kỳ
				Gốc	Lãi, phí	
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án TP Nha Trang	227.661	91.327	16.020	3.337	302.969

*(Chi tiết số liệu theo các phụ lục đính kèm)*

Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa báo cáo Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VT, QLNS, Đức.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Thông**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022  
(Kèm theo công văn số 544 /STC-QLNS ngày 14/02/2023 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ		Rút vốn trong kỳ		Trả nợ trong kỳ (VND)					Dư nợ cuối kỳ		Nợ quá hạn					
				USD	VND	USD	VND	Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng	USD	VND	Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng	
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải				5.449.367.688			838.364.260					838.364.260		4.611.003.428					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	Ngân hàng Thế giới	USD	2.426.895,14	57.286.859.780	288.189,51	6.802.713.384	5.871.481.440	1.166.179.113				7.037.660.553	2.466.345,76	58.218.091.723					
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai			164.713,77	3.888.068.541			1.500.936.235	92.460.778	31.507.455	10.502.485	1.635.406.953	101.128,25	2.387.132.306						
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	181.136,44	4.275.725.548				85.843.583		9.400.646	95.244.229	181.136,44	4.275.725.548						
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án TP Nha Trang	Ngân hàng Thế giới		9.644.605,00	227.660.901.025	3.868.986,12	91.327.417.363	16.019.701.500	3.337.183.937	0	0	19.356.885.437	12.834.933,99	302.968.616.888						
		Nguồn IDA	6.758.450,16	159.533.216.027	3.011.078,06	71.076.497.606	16.019.701.500	3.337.183.937			19.356.885.437	9.090.871,09	214.590.012.133							
		Nguồn IBRD	2.886.154,84	68.127.684.998	857.908,06	20.250.919.756							3.744.062,90	88.378.604.755						
<b>TỔNG CỘNG USD</b>				<b>12.417.350</b>		<b>4.157.176</b>							<b>15.583.544</b>							
<b>TỔNG QUY VNĐ</b>				<b>298.560.922.582</b>		<b>98.130.130.746</b>	<b>24.230.483.435</b>	<b>4.681.667.411</b>	<b>31.507.455</b>	<b>19.903.131</b>	<b>28.963.561.432</b>		<b>372.460.569.893</b>							

Ghi chú:

- Áp dụng tỷ giá hạch toán NSNN do Bộ Tài chính công bố tại Thông báo số 494/TB-KBNN ngày 31/01/2023, theo đó tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 02/2023 là 1 USD = 23.605 đồng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA TỈNH KHÁNH HÒA THEO CHỦ NỢ**

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Kèm theo Công văn số 544 /STC-QLNS ngày 14 /02/2023 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên chủ nợ	Dư nợ đầu kỳ USD	Dư nợ đầu kỳ quy VNĐ	Dư nợ cuối kỳ USD	Dư nợ cuối kỳ quy VNĐ	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ USD	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VNĐ
<b>I</b>	<b>Ngân hàng Phát triển Châu Á</b>	<b>181.136</b>	<b>4.275.725.548</b>	<b>181.136</b>	<b>4.275.725.548</b>		
1	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	181.136	4.275.725.548	181.136	4.275.725.548		
<b>II</b>	<b>Ngân hàng Thế giới</b>	<b>12.236.213,91</b>	<b>294.285.197.033,33</b>	<b>15.402.408,00</b>	<b>368.184.844.344,48</b>		
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải		5.449.367.688		4.611.003.428		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	2.426.895,14	57.286.859.779,70	2.466.345,76	58.218.091.723,25		
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	164.713,77	3.888.068.540,85	101.128	2.387.132.306		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án TP Nha Trang	9.644.605,00	227.660.901.025,00	12.834.933,99	302.968.616.887,60		
	<b>Tổng dư nợ (quy VNĐ)</b>		<b>298.560.922.582</b>		<b>372.460.569.893</b>		

Ghi chú:

- Áp dụng tỷ giá hạch toán NSNN do Bộ Tài chính công bố tại Thông báo số 494/TB-KBNN ngày 31/01/2023, theo đó tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 02/2023 là 1 USD = 23.605 đồng